TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** Số: 100/2018/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *S, ngày 08 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠN SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 73/2018/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Ngọc H -** Sinh năm 1979; Địa chỉ: Tổ 35 (nay là tổ 38), phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Văn H -** Sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ 35 (nay là tổ 38), phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 5 năm 2018 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 73/2018/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Ngọc H và ông Trần Văn H (Giấy chứng nhận kết hôn số 53, quyển số 01/2000, đăng ký ngày 04.7.2000 tại UBND phường V, quận T, Tp. Đà Nẵng).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Ngọc H và ông Trần Văn H.

- Về con chung: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Trần Văn H xác định có 02 con chung là: Trần Văn H1, sinh ngày 25/12/2002 và Trần Thị Ngọc P, sinh ngày 26/01/2005.

Ly hôn, bà Trần Thị Ngọc H và ông Trần Văn H thỏa thuận giao hai con chung Trần Văn H1 và Trần Thị Ngọc P cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi; ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Các bên vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Trần Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Trần Văn H xác định không có nợ chung.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) bà H và ông H mỗi người phải chịu một nửa, nhưng bà H tự nguyện chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, TP. Đà Nẵng theo biên lai thu số tiền số 8656 ngày 11.4.2018. Còn lại hoàn trả cho bà H 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND quận S ;
- Chi cục THADS quận S ;
- UBND phường V, quận T, Thành phố Đà Nẵng.
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

VÕ THỊ PHƯỚC HÒA